Ký bởi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan: Tỉnh Tuyên Quang
Thời gian ký: 19/06/2023 16:21:20

Phụ lục số 02

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MỘT SỐ VẬT NUÔI ĐẶC THÙ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG: CON NGỰA; CON NGỖNG; CON NHÍM BỜM; CON DÚI MỐC; CON CẦY; CON HƯƠU SAO; CON DON

(*Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang*)

I. CON NGỰA

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Căn cứ, hoặc vận dụng, áp dụng, tham khảo các nguồn tài liệu	Ghi chú
1	**Định mức công lao động**				
1.1	Công lao động phổ thông	Con/ công	15	Vận dụng theo Phụ lục X: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với trâu, ngựa giống gốc (Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Người dân tự đối ứng
1.2	Công lao động kỹ thuật chăn nuôi, thú y (đối với ngựa nuôi thương phẩm)	Con/ công	55	Vận dụng theo Phụ lục X: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với trâu, ngựa giống gốc (Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Công lao động kỹ thuật chăn nuôi, thú y.
1.3	Công lao động kỹ thuật chăn nuôi, thú y (đối với ngựa nuôi vỗ béo)	Tháng /cán bộ	5	Vận dụng theo: - Mã sản phẩm: CN2212 vỗ béo trâu, bò Kèm theo Quyết định số 726/ QĐ-BNN-KN 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông Trung ương. - Phụ lục X: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với trâu, ngựa giống gốc (Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Công lao động kỹ thuật chăn nuôi, thú y. Quy mô 55 con/công; thời gian nuôi vỗ béo tối đa không quá 5 tháng.
2	**Định mức chuồng trại**				

	Chuồng tính cho 01 con	m^2/ con	5-7	Vận dụng theo Phụ lục X: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với trâu, ngựa giống gốc (Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	5-7 m^2 nền chuồng/1 con ngựa; nền chuồng láng xi măng, hoặc xây gạch nghiên, nền chuồng cao hơn mặt đất từ 15-20cm, có độ dốc 2-3%, có rãnh thoát nước, có toang văng, hoặc có tường xây lửng,… có hố chứa phân và chất thải rắn, có hệ thống mái che đảm bảo không bị mưa nắng để quản lý vật nuôi.
3	**Định mức giống, vật tư**				
3.1	Đối tượng ngựa đưa vào nuôi thương phẩm, nuôi vỗ béo là các giống ngựa nội, nhập nội và các tổ hợp lai được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định.				
3.2	Thuốc tẩy ngoại KST	Liều /con	1	Vận dụng theo Phụ lục X: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với trâu, ngựa giống gốc (Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Sử dụng thuốc theo liều quy định của nhà sản xuất
3.3	Thuốc tẩy nội KST	Liều /con	1		
3.4	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con /ngày	2-2,5	Vận dụng theo Phụ lục X: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với trâu, ngựa giống gốc (Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Hàm lượng Protein ≥ 14%
3.5	Thức ăn thô xanh	Kg/con /ngày	30-35	Vận dụng theo Phụ lục X: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với trâu, ngựa giống gốc ((Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Cỏ voi, các loại cỏ trồng khác, hoặc thân lá cây ngô
3.6	Chế phẩm vi sinh	Kg/ con	0,5	Vận dụng theo Phụ lục X: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với trâu, ngựa giống gốc (Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật

II. CON NGỖNG

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Căn cứ , hoặc vận dụng, áp dụng, tham khảo các nguồn tài liệu	Ghi chú
1	**Định mức công lao động**				
1.1	Công lao động phổ thông	Con/ công	400	Vận dụng theo Phụ lục V: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với ngan giống gốc (Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Người dân đối ứng
1.2	Công lao động kỹ thuật chăn nuôi, thú y.	Tháng /cán bộ	5	Vận dụng theo Phụ lục V: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với ngan giống gốc (Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Công lao động kỹ thuật chăn nuôi, thú y. Quy mô 1.000 con; thời gian nuôi tối đa không quá 5 tháng.
2	**Định mức chuồng trại**				
	Chuồng nuôi ngỗng	m^2/ con	0,33	Vận dụng theo Phụ lục V: Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với ngan giống gốc (Kèm theo Quyết định số 3368/QĐ-BNN-CN ngày 06/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Ba con ngỗng/1m^2 nền chuồng; nền chuồng láng xi măng, nền chuồng cao hơn mặt đất từ 15-20cm, có độ dốc 2-3%, hoặc chuồng sử dụng đệm lót sinh học, có rãnh thoát nước, có hệ thống lưới, phên quây, có mái che đảm bảo không bị mưa nắng để quản lý vật nuôi.
3	**Định mức giống, vật tư**				
3.1	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở				
3.2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/ con	9	Vận dụng theo: Mã sản phẩm: CN2203 Chăn nuôi ngan, vịt thương phẩm (Kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN 24/ 02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương)	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án, protein từ 18-21%

3.3	Vắc -xin	Liều/con	4	Vận dụng theo: Mã sản phẩm: CN2203 Chăn nuôi ngan, vịt thương phẩm (Kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN 24/ 02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương)	(2) Dịch tả; (1) Viêm gan (1) cúm GC tiêm theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
3.4	Hoá chất sát trùng	Lít/con	0,5	Vận dụng theo: Mã sản phẩm: CN2203 Chăn nuôi ngan, vịt thương phẩm (Kèm theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN 24/ 02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương)	Dung dịch pha loãng theo quy định

III. CON NHÍM NUÔI THƯƠNG MẠI VÀ SINH SẢN

STT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
A	**CHĂN NUÔI NHÍM THƯƠNG MẠI**				
I	**Định mức công lao động**	Công		Công lao động phổ thông để: Vệ sinh nền chuồng, máng ăn, bể nước… Vệ sinh sân bãi, đường đi, cống rãnh hàng ngày	Chủ cơ sở nuôi tự bỏ công nuôi, chăm sóc
II	**Định mức giống, vật tư**				
1	Con giống	Kg/con	> 3kg	Nhím con được 3 tháng tuổi, có khối lượng trung bình 3kg thì tác khỏi bố mẹ	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2006
2	Chuồng trại	m2/cặp	1-1,5	Chuồng nuôi làm bằng vật liệu xây bê tông, gạch hoặc sắt thép; cao 1,2 mét đến 1,4 mét để Nhím không chèo ra ngoài được; xây rãnh thoát nước hai bên chuồng; nóc chuồng đậy tấp ván, tấm piro ximăng hoặc lướt B40	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2007

3	Thức ăn chăn nuôi (tính bình quân)	Kg/ con	1	Các loại củ, quả có tinh bột; mía, cỏ voi, dây khoai lang … cho ăn trực tiếp	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2008
4	Muối bổ sung	Gram/ con/ ngày	0,04	Tăng mức sinh trưởng của Nhím	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2009
5	Thuốc thú y				
5.1	Vime Protex	ml/ chuồng	100	Pha nồng độ 0,5% (100ml pha 20 lít nước) phun khắp chuồng trước khi nuôi để vệ sinh, sát trùng chuồng	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2012
5.2	Vimekon	ml/ chuồng	100	Pha nồng độ 0,5% (100ml pha 20 lít nước) phun khắp chuồng, phun lên mình Nhím khi nuôi mỗi tháng phun 1 đến 2 lần để vệ sinh, sát trùng	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2013
6	Trọng lượng xuất chuồng	kg/ con	>10	Đặc điểm hình thái ở tự nhiên, Nhím nặng từ 10 kg đến 15 kg	
7	Thời gian nuôi	Ngày/ con	330	Thời gian Nhím sinh trưởng đủ trọng lượng để xuất chuồng	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2013
B	**CHĂN NUÔI NHÍM SINH SẢN**				
I	**Định mức công lao động**	Công		Công lao động phổ thông để: Vệ sinh nền chuồng, máng ăn, bể nước… Vệ sinh sân bãi, đường đi, cống rãnh hàng ngày	Chủ cơ sở nuôi tự bỏ công nuôi, chăm sóc
II	**Định mức giống, vật tư**				
1	Con giống	Kg/ con	> 10kg	Nhím giống phải đảm bảo từ 1 năm tuổi trở lên và trọng lượng trên 10 kg là có thể cho sinh sản	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2006
2	Chuồng trại	m2/ cặp	1-1,5	Chuồng nuôi làm bằng vật liệu xây bê tông, gạch hoặc sắt thép; cao 1,2 mét đến 1,4 mét để Nhím không chèo ra ngoài được; xây rãnh thoát nước hai bên chuồng; nóc chuồng đậy tấp ván, tấm piro ximăng hoặc lướt B40	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2007

3	Thức ăn chăn nuôi (tính bình quân)	Kg/ con	1	Các loại củ, quả có tinh bột; mía, cỏ voi, dây khoai lang … cho ăn trực tiếp	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2008
4	Thức ăn bổ sung khi mang thai và nuôi con	Kg/ con/ ngày	0,2-0,3	Khi Nhím mang thai và nuôi con, ngoài thức ăn chung còn phải cho ăn thêm lạc nhân, đỗ tương rang chính	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2009
4	Muối bổ sung	Gram/ con/ ngày	0,04	Tăng mức sinh trưởng của Nhím	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2009
5	Thuốc thú y				
5.1	Vime Protex	ml/ chuồng	100	Pha nồng độ 0,5% (100ml pha 20 lít nước) phun khắp chuồng trước khi nuôi để vệ sinh, sát trùng chuồng	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2012
5.2	Vimekon	ml/ chuồng	100	Pha nồng độ 0,5% (100ml pha 20 lít nước) phun khắp chuồng, phun lên mình Nhím khi nuôi mỗi tháng phun 1 đến 2 lần để vệ sinh, sát trùng	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2013
6	Thời gian nuôi con	Ngày/ con	90	Con non cai sữa sau 90 ngày (03 tháng tuổi)	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Nhím của Võ Văn Sự, 2013

IV. CON DÚI MỐC NUÔI THƯƠNG MẠI VÀ SINH SẢN

STT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
A	**CHĂN NUÔI DÚI THƯƠNG MẠI**				
I	**Định mức công lao động**	Công		Công lao động phổ thông để: Vệ sinh nền chuồng, máng ăn, bể nước… Vệ sinh sân bãi, đường đi, cống rãnh hàng ngày	Chủ cơ sở nuôi tự bỏ công nuôi, chăm sóc

II	**Định mức giống, vật tư**				
1	Con giống			Con giống phải khỏe mạnh, lông mượt, không bị dị tật, ăn khỏe, ăn nhiều, lanh lợi, chạy nhảy khỏe trong chuồng nhốt	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
2	Chuồng trại	m3/ con	0,28	Chuồng nuôi làm bằng vật liệu xây bê tông, gạch hoặc sắt thép; rộng 0,5m, dài 0,8m, cao 0,7m; Chuồng nuôi phải có nắp đậy, bên trong chuồng có ống cống đường kính 20cm	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
3	Thức ăn chăn nuôi (tính bình quân)	Gram/ con/ ngày	290-430	Thức ăn hỗ hợp (rau, củ quả, ngũ cốc)	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
4	Trọng lượng xuất chuồng	kg/ con	>0,5	Đặc điểm hình thái ở tự nhiên, Dúi nặng từ 0,5 kg đến 0,8 kg	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
5	Thời gian nuôi	Ngày/ con	>240	Thời gian Dúi sinh trưởng đủ trọng lượng để xuất chuồng	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
B	**CHĂN NUÔI DÚI SINH SẢN**				
I	**Định mức công lao động**	Công		Công lao động phổ thông để: Vệ sinh nền chuồng, máng ăn, bể nước… Vệ sinh sân bãi, đường đi, cống rãnh hàng ngày	Chủ cơ sở nuôi tự bỏ công nuôi, chăm sóc
II	**Định mức giống, vật tư**				
1	Con giống	Kg/ con	> 0,5kg	Con giống phải khỏe mạnh, lông mượt, không bị dị tật, ăn khỏe, ăn nhiều, lanh lợi, chạy nhảy khỏe trong chuồng nhốt	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
2	Chuồng trại	m3/ con	0,28	Chuồng nuôi làm bằng vật liệu xây bê tông, gạch hoặc sắt thép; rộng 0,5m, dài 0,8m, cao 0,7m; Chuồng nuôi phải có nắp đậy, bên trong chuồng có ống cống đường kính 20cm	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp

3	Thức ăn chăn nuôi (tính bình quân)	Kg/ con	1	Các loại củ, quả có tinh bột; mía, cỏ voi, dây khoai lang … cho ăn trực tiếp	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
4	Thức ăn chăn nuôi (tính bình quân)	Gram/ con/ ngày	290-430	Thức ăn hỗ hợp (rau, củ quả, ngũ cốc)	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
5	Thời gian nuôi con	Ngày/ con	90	Con non cai sữa sau 90 ngày (03 tháng tuổi)	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp

V. CON CẦY NUÔI THƯƠNG MẠI VÀ SINH SẢN

STT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
A	**CHĂN NUÔI CẦY THƯƠNG MẠI**				
I	**Định mức công lao động**	Công		Công lao động phổ thông để: Vệ sinh nền chuồng, máng ăn, bể nước… Vệ sinh sân bãi, đường đi, cống rãnh hàng ngày	Chủ cơ sở nuôi tự bỏ công nuôi, chăm sóc
II	**Định mức giống, vật tư**				
1	Con giống			Khoẻ mạnh, thâm hình cân đối, lông mượt, nhanh nhẹn, không có dị tật	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
2	Chuồng trại	m2/3 con	7-9	Chuồng được chia làm 2 ngăn; phía ngoài 4-5m2 dùng làm sân chơi; phía trong 3-4m2 dùng làm nơi nghỉ ngơi và cho ăn; được xây kiên cố, gạch, đá, xi măng và lưới thép mắt nhỏ	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
3	Thức ăn chăn nuôi (tính bình quân)	Gram/ kg thể trọng	95	Thức ăn động vật chiếm 40% gồm: Trâu, bò, gia cầm, chuột, ếch nhái…; thức ăn thực vật chiếm 55%, gồm: củ, quả.	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp

4	Thuốc thú y				
4.1	Mebendazl (Vermox)	mg/kg Cầy	90	Tẩy ký sinh, giun sán; Tẩy 3 lần vào buổi sáng, mỗi lần 30mg/kg thể trọng. Tẩy trước khi ăn 60 phút. Tẩy 06 tháng một lần	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
4.2	Streptomycin	Liều/ Con	1	Khi Cầy bị viêm đường hô hấp	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
4.3	Chloramtetrasol	Liều/ Con	1	Khi Cầy bị đường ruột do ăn phải thức ăn ôi, thiu	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
5	Vacine	Liều/ Con	1	Cây có thể mang một số bệnh: Bại liệt, uốn ván, bệnh dại và có thể lây sang người hoặc động vật khác. Nên định kỳ tiêm phòng các loại Vacine này cho Cầy	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
6	Trọng lượng xuất chuồng	kg/con	>8	Đặc điểm hình thái ở tự nhiên, Cầy vòi mốc con trưởng thành nặng từ 8 đến 10 kg	
7	Thời gian nuôi	Ngày/ con	39	Thời gian Cầy sinh trưởng đủ trọng lượng để xuất chuồng	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
B	**CHĂN NUÔI CẦY SINH SẢN**				
I	**Định mức công lao động**	Công		Công lao động phổ thông để: Vệ sinh nền chuồng, máng ăn, bể nước… Vệ sinh sân bãi, đường đi, cống rãnh hàng ngày	Chủ cơ sở nuôi tự bỏ công nuôi, chăm sóc
II	**Định mức giống, vật tư**				
1	Con giống	kg/con	>8	Khoẻ mạnh, thâm hình cân đối, lông mượt, nhanh nhẹn, không có dị tật	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp

2	Chuồng trại	m2/3 con	7-9	Chuồng được chia làm 2 ngăn; phía ngoài 4-5m2 dùng làm sân chơi; phía trong 3-4m2 dùng làm nơi nghỉ ngơi và cho ăn; được xây kiên cố, gạch, đá, xi măng và lưới thép mắt nhỏ	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
3	Thức ăn chăn nuôi (tính bình quân)	Gram/ kg thể trọng	95	Thức ăn động vật chiếm 40% gồm: Trâu, bò, gia cầm, chuột, ếch nhái…; thức ăn thực vật chiếm 55%, gồm: củ, quả.	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
3.1	Thức ăn tăng thêm khi Cầy trong thời kỳ mang thai và nuôi con	Gram/ con	50-100	Trong thời kỳ mang thai và nuôi con non, cần cho ăn tăng thêm thịt tươi, trứng gà, trứng vịt hoặc sữa	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
4	Thuốc thú y				
4.1	Mebendazl (Vermox)	mg/kg Cầy	90	Tẩy ký sinh, giun sán; Tẩy 3 lần vào buổi sáng, mỗi lần 30mg/kg thể trọng. Tẩy trước khi ăn 60 phút. Tẩy 06 tháng một lần	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
4.2	Streptomycin	Liều/ Con	1	Khi Cầy bị viêm đường hô hấp	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
4.3	Chloramtetrasol	Liều/ Con	1	Khi Cầy bị đường ruột do ăn phải thức ăn ôi, thiu	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
5	Vacine	Liều/ Con	1	Cây có thể mang một số bệnh: Bại liệt, uốn ván, bệnh dại và có thể lây sang người hoặc động vật khác. Nên định kỳ tiêm phòng các loại Vacine này cho Cầy	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp
6	Thời gian nuôi con	Ngày/ con	90	Con non cai sữa sau 90 ngày (03 tháng tuổi)	Tham khảo tài liệu động vật rừng của Trường Đại học Lâm nghiệp

VI. CON HƯƠU SAO NUÔI THƯƠNG MẠI

STT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	**Định mức công lao động**	Công		Công lao động phổ thông để: Vệ sinh nền chuồng, máng ăn, bể nước… Vệ sinh sân bãi, đường đi, cống rãnh hàng ngày	Chủ cơ sở nuôi tự bỏ công nuôi, chăm sóc
II	**Định mức giống, vật tư**				
1	Con giống			Chọn những con có nguồn gốc khoẻ mạnh, ít bệnh tật, có năng suất nhung cao	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Hươu Sao của Hoàng Xuân Thuỷ, 2013
2	Chuồng trại	m2/ con	5-7	Chuồng nuôi làm bằng vật liệu xây bê tông, gạch hoặc sắt thép; tấm piro ximăng hoặc lá cọ; lưới B40	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Hươu Sao của Hoàng Xuân Thuỷ, 2014
3	Thức ăn chăn nuôi	Kg/ con	>7	7-10kg lá, cỏ tươi; 0,3kg gạo nấu cháo; 0,7kg khô dầu; 0,3kg thóc nẩy mầm; 15g muối; 20g chất khoáng	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Hươu Sao của Hoàng Xuân Thuỷ, 2015
4	Vacxin	Liều/ con	1	Các loại Vacxin: Lở mồm long móng; Tụ huyết trùng	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Hươu Sao của Hoàng Xuân Thuỷ, 2016
5	Thời gian nuôi	Ngày/ con	600 - 1.800	Thời gian Hươu lấy được nhung	Tham khảo từ kỹ thuật nuôi Hươu Sao của Hoàng Xuân Thuỷ, 2017

VII. CON DON NUÔI SINH SẢN

STT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	**Định mức công lao động**	Công		Công lao động phổ thông để: Vệ sinh nền chuồng, máng ăn, bể nước… Vệ sinh sân bãi, đường đi, cống rãnh hàng ngày	Chủ cơ sở nuôi tự bỏ công nuôi, chăm sóc
II	**Định mức giống, vật tư**				
1	Con giống	Kg/con	> 2,6kg	Don trưởng thành có trọng lượng từ 2,6 kg đến 3,2 kg	Tham khảo kỹ thuật nhân nuôi Don của Trường Đại học Lâm nghiệp
2	Chuồng trại	m2/5-7 cá thể	6-8	Chuồng nuôi được xâu bằng gạch, bê tông, khung chuồng nuôi được làm bằng sắt, xung quanh chuồng quây lưới sắt có đường kính mắt lưới 4cm. Xây các ổ đẻ có dài, rộng, cao: 0,5 x 0,4 x 0,3m	Tham khảo kỹ thuật nhân nuôi Don của Trường Đại học Lâm nghiệp
3	Thức ăn chăn nuôi (tính bình quân)	Kg/con/ngày	0,442	Các loại củ, quả có tinh bột; rau	Tham khảo kỹ thuật nhân nuôi Don của Trường Đại học Lâm nghiệp
4	Thức ăn bổ sung khi mang thai và nuôi con			Bổ sung các loại khoáng chất, xương động vật	Tham khảo kỹ thuật nhân nuôi Don của Trường Đại học Lâm nghiệp
5	Thuốc thú y				
-	Lavecide, Benkocid, Chloramin	Liều/chuồng	1	Định kỳ hàng tháng phun tiêu động, sát trùng chuồng nuôi một lần	Tham khảo kỹ thuật nhân nuôi Don của Trường Đại học Lâm nghiệp
6	Thời gian nuôi con	Ngày/con	60	Con non cai sữa sau 60 ngày (02 tháng tuổi)	Tham khảo kỹ thuật nhân nuôi Don của Trường Đại học Lâm nghiệp